

Số: 28 /KH-MNN

Đức Phố, ngày 17 tháng 11 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ về Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

Căn cứ Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 3853/UBND-KGVX ngày 23/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP

Căn cứ Công văn số 2071/SGDĐT-GDMNTH ngày 08/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính Phủ;

Thực hiện Công văn của UBND phường Đức Phố về việc triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ;

Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức phổ biến, quán triệt đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 218/2025/QH15 và Nghị định số 277/2025/NĐ-CP đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV) và cha mẹ học sinh nhà trường.

Rà soát chính xác, khách quan và toàn diện thực trạng tình hình giáo dục mầm non (GDMN) tại trường bao gồm: mạng lưới trường lớp, số lượng trẻ em, đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất (CSVCh) và trang thiết bị dạy học.

Làm cơ sở đề xuất nhu cầu kinh phí, nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện Phổ cập GDMN cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn giai đoạn 2026 – 2030, phục vụ công tác tham mưu với UBND phường Đức Phố và các cấp có thẩm quyền.

2. Yêu cầu

Công tác rà soát số liệu, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phải đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác và phản ánh đúng thực chất toàn diện tình hình nhà trường.

Phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng cá nhân, bộ phận; đảm bảo hoàn thành báo cáo đúng tiến độ và chất lượng theo yêu cầu của UBND phường Đức Phổ

Tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với Công an phường, Trưởng các thôn/tổ dân phố và Ban Đại diện Cha mẹ học sinh trong việc đối chiếu, làm sạch dữ liệu dân cư, không để bỏ sót hoặc trùng lặp đối tượng trẻ em trong độ tuổi từ 3 đến 5 tuổi.

II. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt văn bản

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết số 218/2025/QH15 và Nghị định số 277/2025/NĐ-CP đến 100% CBGVNV qua cuộc họp hội đồng sư phạm, họp chuyên môn và đến phụ huynh học sinh qua các buổi họp cha mẹ học sinh, bảng tin nhà trường, nhóm Zalo các lớp.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 20/11/2025.

Phụ trách: Ban Giám hiệu, đoàn thanh niên, Giáo viên chủ nhiệm các lớp.

2. Thực hiện rà soát số liệu và đánh giá thực trạng GDMN

Nội dung:

a) Rà soát số liệu:

Mạng lưới trường lớp, điểm trường; tổng số trẻ em trong độ tuổi từ 0–5 tuổi (đặc biệt tập trung đối tượng 3–5 tuổi trên địa bàn); đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên (đủ/thiếu, trình độ đào tạo); thực trạng CSVC, phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi tối thiểu.

b) Đánh giá thực trạng: Đánh giá toàn diện tình hình chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, các thuận lợi, khó khăn, vướng mắc thực tế tại đơn vị.

Phương pháp: GVCN phối hợp với Trưởng thôn/Tổ dân phố và Công an phường Đức Phổ kiểm tra, đối chiếu dữ liệu dân cư nhằm đảm bảo tính chuẩn xác.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 22/11/2025

Phụ trách: Bộ phận Chuyên môn, GV phụ trách Phổ cập, Kế toán, GVCN các lớp.

3. Xây dựng Báo cáo và Đề xuất nhu cầu kinh phí giai đoạn 2026 – 2030

Nội dung:

a) Đề xuất nhu cầu kinh phí và kiến nghị:

Lập dự toán kinh phí triển khai thực hiện; đề xuất danh mục đầu tư CSVC, trang thiết bị, mua sắm đồ dùng dạy học; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho đội ngũ và trẻ em theo quy định tại Nghị định 277/2025/NĐ-CP.

Xây dựng báo cáo theo đúng Đề cương Báo cáo và hoàn thiện đầy đủ các phụ lục đính kèm theo chỉ đạo của UBND phường.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 19/11/2025.

Phụ trách: Hiệu trưởng, Kế toán, GV phụ trách Phổ cập.

4. Nhập liệu trực tuyến và nộp Báo cáo chính thức

Cập nhật dữ liệu: Tiến hành nhập toàn bộ số liệu rà soát

Gửi Báo cáo: Hoàn thiện Báo cáo thực trạng và Dự kiến nguồn lực giai đoạn 2026 – 2030 bằng văn bản điện tử, trình Hiệu trưởng ký duyệt và gửi về UBND phường qua Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành.

Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 20/11/2025.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Nương – Hiệu trưởng:

Chịu trách nhiệm chung toàn bộ công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện Kế hoạch.

Trực tiếp chỉ đạo nội dung Báo cáo đánh giá thực trạng, đề xuất kinh phí, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2026 – 2030 và ký duyệt báo cáo nộp UBND phường Đức Phổ.

2. Các Phó Hiệu trưởng:

Đôn đốc, giám sát bộ phận chuyên môn, bán trú và giáo viên thực hiện nghiêm túc việc rà soát số liệu trẻ em, đội ngũ, CSVC.

Tham gia thẩm định tính chính xác của số liệu rà soát và nội dung các phụ lục báo cáo.

3. Bộ phận Kế toán nhà trường:

Chủ trì tổng hợp, tính toán và đề xuất nhu cầu kinh phí triển khai thực hiện giai đoạn 2026 – 2030 theo quy định tại Nghị định 277/2025/NĐ-CP.

Hoàn thiện các Phụ lục liên quan đến tài chính, CSVC, trang thiết bị.

4. Giáo viên phụ trách công tác Phổ cập & Giáo viên chủ nhiệm:

Rà soát chính xác danh sách trẻ 0–5 tuổi trên địa bàn phân công.

Trực tiếp nhập liệu và kiểm tra đối chiếu dữ liệu của UBND phường Đức Phổ.

Báo cáo kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh về Ban Giám hiệu để xử lý.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các bộ phận, cá nhân được phân công nhiệm vụ đề cao trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ, chủ động thực hiện đúng tiến độ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các bộ phận kịp thời báo cáo Hiệu trưởng để trực tiếp liên hệ với Phòng Văn hóa - Xã hội phường Đức Phổ trao đổi, thống nhất thực hiện.

V. KIẾN NGHỊ:

Kính đề nghị UBND phường Đức Phổ quan tâm chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, Công an phường và Tổ trưởng các tổ dân phố phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác rà soát dữ liệu dân cư và vận động trẻ ra lớp.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể phường tuyên truyền, vận động hội viên, nhân dân tích cực đưa trẻ 3–5 tuổi đến trường; tham gia giám sát việc thực hiện các chính sách giáo dục trên địa bàn.

Ban đại diện Cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong công tác tuyên truyền, vận động trẻ ra lớp, hỗ trợ cải tạo môi trường cảnh quan và chăm lo đời sống bán trú cho học sinh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai công tác Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi năm học 2025 – 2026 của Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm. Đề nghị toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND phường Đức Phổ (để b/cáo);
- Phòng VH &XH (để b/cáo);
- BGH, các tổ chuyên môn (t/h)
- Giáo viên (t/h)
- Lưu: VT, HS PC

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Xuân Nương

**BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ CẬP ĐỐI
VỚI TRẺ 3-5 TUỔI**

(kèm theo Kế hoạch số 28/KH-MNNN ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Trường
Mầm non Nguyễn Nghiêm về thực hiện Kế hoạch Phổ cập GDMN trẻ 3-5 tuổi)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ thực hiện công tác phổ cập đối với trẻ 3-5 tuổi	Thời gian thực hiện thực tế (tháng)	Kết quả sản phẩm, minh chứng
1	Nguyễn Thị Xuân Nương	Hiệu trưởng	MNNN	-Trực tiếp chỉ đạo, điều hành chung công tác PCGDMN 3-5 tuổi. -Tham mưu UBND phường Đức Phỗ và về kinh phí, CSVC, biên chế. -Phê duyệt Kế hoạch, Quyết định phân công và duyệt Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách cho trẻ -Kiểm tra tiêu chuẩn 2	Tháng 8/2025 – Tháng 5/2026	Quyết định thành lập BCĐ PCGDMN. Kế hoạch PCGDMN năm học 2025–2026. Tờ trình & Quyết định phê duyệt danh sách thụ hưởng kinh phí 07 tháng. Biên bản tự kiểm tra tiêu chuẩn 2
2	Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Hiệu trưởng		-Trực tiếp chỉ đạo nâng cao chất lượng chuyên môn nuôi dạy các khối 3, 4, 5 tuổi. -Chỉ đạo công tác điều tra số liệu, rà soát đối tượng trẻ chính sách. - Quản lý, kiểm tra	Tháng 8/2025 – Tháng 5/2026	Kế hoạch chuyên môn PCGDMN. Bộ hồ sơ minh chứng PCGDMN 3-5 tuổi cấp trường chuẩn quy định. Báo cáo đánh giá chất lượng trẻ cuối độ tuổi.

				công tác nhập liệu trên phần mềm PCGD-XMC và hồ sơ minh chứng phổ cập theo quy định. -Kiểm tra tiêu chuẩn 1		Biên bản tự kiểm tra tiêu chuẩn 1
3	Trương Thị Diệp	Phó Hiệu trưởng		Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và an toàn bán trú cho trẻ 3–5 tuổi ra lớp PCGDMN. Xây dựng thực đơn bán trú cân đối dinh dưỡng; kiểm soát công tác an toàn vệ sinh thực phẩm bếp ăn. Chỉ đạo theo dõi biểu đồ tăng trưởng, khám sức khỏe định kỳ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện bữa ăn bán trú cho trẻ trong 07 tháng thụ hưởng. Kiểm tra tiêu chuẩn 3	Tháng 8/2025 – Tháng 5/2026	Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc bán trú năm học. Hồ sơ ATVSTP, Hợp đồng thực phẩm & Sổ lưu mẫu thức ăn bán trú Thực đơn cân đối dinh dưỡng Báo cáo tổng hợp tình trạng dinh dưỡng (kéo giảm SDD dưới 3%). Biên bản kiểm tra công tác bán trú định kỳ/đợt xuất. Biên bản tự kiểm tra tiêu chuẩn 3
4	Võ Thị Tường Vi	Giáo viên dạy lớp 4-5 tuổi (phụ trách CTPC)		Quản lý tài khoản phần mềm PCGD-XMC của nhà trường. Cập nhật, khớp nối dữ liệu trẻ 0–5 tuổi từ Cơ sở dữ liệu dân cư phường Đức Phổ. Lập danh sách trẻ từ 3 đến 5 tuổi Tổng hợp số liệu, xuất biểu mẫu	Rà soát & nhập số liệu: T8 – T10/2025 Cập nhật biến động & chốt danh sách: T11/2025 – T5/2026	Dữ liệu chuẩn xác 100% trên phần mềm PCGD-XMC. Biểu thống kê PCGDMN theo Nghị định 277. Hồ sơ tự kiểm tra đạt chuẩn PC theo từng độ tuổi được phân công.

5	Lê Thị Kiều Trang	Giáo viên dạy lớp 4-5 tuổi	Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 4-5 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 4-5T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 4-5 tuổi.
6	Đỗ Thị Minh Tú	Giáo viên dạy lớp 4-5 tuổi	Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 4-5 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 4-5T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 4-5 tuổi.
7	Huỳnh Thị Thanh Nhựt	Giáo viên dạy lớp 4-5 tuổi	Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4,	Phiếu điều tra trẻ 4-5 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 4-5T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá

				cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	5/2026)	phát triển trẻ cuối độ tuổi 4-5 tuổi.
8	Nguyễn Thị Hoàng Nga	Giáo viên dạy lớp 4-5 tuổi		Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 4-5 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 4-5T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 4-5 tuổi.
9	Phạm Thị Ánh Tuyết	Giáo viên dạy lớp 4-5 tuổi		Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 4-5 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 4-5T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 4-5 tuổi.
				Quản lý tài khoản phần mềm PCGD-XMC của nhà	Rà soát & nhập số liệu: T8 –	Dữ liệu chuẩn xác 100% trên phần mềm

10	Trương Thị. Xuân Nương	Giáo viên dạy lớp 4-5 tuổi (phụ trách CTPC)	trường. Cập nhật, khớp nối dữ liệu trẻ 0–5 tuổi từ Cơ sở dữ liệu dân cư phường Đức Phổ. Lập danh sách trẻ từ 3 đến 5 tuổi Tổng hợp số liệu, xuất biểu mẫu	T10/2025 Cập nhật biến động & chốt danh sách: T11/2025 – T5/2026	PCGD-XMC. Biểu thống kê PCGDMN theo Nghị định 277. Hồ sơ tự kiểm tra đạt chuẩn PC theo từng độ tuổi được phân công.
11	Võ Thị Hòa	Giáo viên dạy lớp 4-5 tuổi	Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 4-5 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 4-5T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 4-5 tuổi.
12	Lê Thị Lệ My	Giáo viên dạy lớp 4-5 tuổi	Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 4-5 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 4-5T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 4-5 tuổi.

13	Lê Ngọc Huyền	Giáo viên dạy lớp 4-5 tuổi	Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 4-5 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 4-5T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 4-5 tuổi.
14	Phan Thị Thanh Huyền	Giáo viên dạy lớp 4-5 tuổi	Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 4-5 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 4-5T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 4-5 tuổi.
15	Trương Thị Ngọc Diệp	Giáo viên dạy lớp 3-4 tuổi	Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4,	Phiếu điều tra trẻ 3-4 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 3-4T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá

				cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	5/2026)	phát triển trẻ cuối độ tuổi 3-4 tuổi.
16	Trịnh Thị Tuyết Kiều	Giáo viên dạy lớp 3-4 tuổi		Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 3-4 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 3-4T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 3-4 tuổi.
17	Nguyễn Thị Trí Nhân	Giáo viên dạy lớp 3-4 tuổi		Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 3-4 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 3-4T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 3-4 tuổi.
18	Trần Thị Lệ Thi	Giáo viên dạy lớp		Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được	Điều tra, lập danh sách: T8 –	Phiếu điều tra trẻ 3-4 tuổi theo địa bàn.

		3-4 tuổi		phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 3-4T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 3-4 tuổi.
19	Hà Thị Bích Hạnh	Giáo viên dạy lớp 3-4 tuổi		Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 3-4 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 3-4T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 3-4 tuổi.
20	Phan Thị Bích Lý	Giáo viên dạy lớp 3-4 tuổi		Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 3-4 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 3-4T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 3-4 tuổi.

				Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.		
21	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Giáo viên dạy lớp 3-4 tuổi (phụ trách CTPC)		Quản lý tài khoản phần mềm PCGD-XMC của nhà trường. Cập nhật, khớp nối dữ liệu trẻ 0-5 tuổi từ Cơ sở dữ liệu dân cư phường Đức Phổ. Lập danh sách trẻ từ 3 đến 5 tuổi Tổng hợp số liệu, xuất biểu mẫu	Rà soát & nhập số liệu: T8 – T10/2025 Cập nhật biến động & chốt danh sách: T11/2025 – T5/2026	Dữ liệu chuẩn xác 100% trên phần mềm PCGD-XMC. Biểu thống kê PCGDMN theo Nghị định 277. Hồ sơ tự kiểm tra đạt chuẩn PC theo từng độ tuổi được phân công.
22	Võ Thị Lệ Quyên	Giáo viên dạy lớp 3-4 tuổi		Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 3-4 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 3-4T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chấm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 3-4 tuổi.
23	Huỳnh Thị Ngọc Ánh	Giáo viên dạy lớp 3-4 tuổi		Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì số, nâng	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4,	Phiếu điều tra trẻ 3-4 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 3-4T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chấm ăn bán trú Phiếu đánh giá

				cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	5/2026)	phát triển trẻ cuối độ tuổi 3-4 tuổi.
24	Lê Thu Hằng	Kế toán		Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho trẻ 3–5 tuổi và giáo viên theo Nghị định 277. Xét duyệt, thẩm định hồ sơ thụ hưởng chuẩn xác đúng 07 tháng (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026). Chi trả kinh phí hỗ trợ minh bạch, đúng thời gian và quyết toán tài chính với ngân sách. Kiểm tra biểu mẫu tài chính	Lập dự toán & thẩm định: T9 – T10/2025 Thực hiện chi trả & quyết toán: T11/2025 – T5/2026	Bảng tổng hợp đề nghị dự toán kinh phí hỗ trợ Bảng kê/Danh sách ký nhận tiền trích nộp hoặc chuyển khoản cho phụ huynh. Báo cáo quyết toán tài chính PCGDMN.
25	Nguyễn Thị Thuận	Y tế		Theo dõi sức khỏe, cân đo chấm biểu đồ tăng trưởng cho 100% trẻ ra lớp. Cùng trạm y tế Khám sức khỏe định kỳ và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm bếp ăn bán trú.	Cân đo: 3 lần/năm học (T9, T12, T5) Khám SK: 2 lần/năm học (T10, T3) Quản lý bán trú: Thường xuyên trong năm học	Sổ theo dõi sức khỏe học sinh. Biểu đồ tăng trưởng trẻ 3–5 tuổi. Hồ sơ kiểm nghiệm & sổ lưu mẫu thức ăn bán trú.

Đức Phổ, ngày 17 tháng 11 năm 2025

Nơi nhận:

- UBND phường Đức Phổ (để b/cáo);
- Phòng VH &XH;
- BGH, các tổ chuyên môn (t/h)
- Giáo viên (t/h)
- Lưu: VT, HS PC

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Xuân Nương

Số: 11/HĐLĐ

Đức Phố, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
THỰC HIỆN CÔNG VIỆC Y TẾ HỌC ĐƯỜNG**

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 06 tháng 12 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ vào Điều lệ trường Mầm non (Ban hành kèm theo) Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thị xã năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2973/QĐ-UBND ngày 25/06/2025 của UBND thị xã Đức Phổ về việc Chuyển giao nguyên trạng các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND Thị xã Đức Phổ đang quản lý về thuộc UBND các xã, phường (mới) quản lý.

Căn cứ Thông báo số 451/UBND-VHXXH về việc hợp đồng lao động để làm nhiệm vụ giáo viên, nhân viên y tế, tài chính tại các trường thuộc UBND phường trong năm học 2025-2026.

Căn cứ cuộc họp hội đồng sư phạm và tình hình của trường mầm non Nguyễn Nghiêm trong năm học 2025-2026.

Hôm nay, ngày 01 tháng 9 năm 2025, tại Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm: chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN A: NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Đơn vị: Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm

Địa chỉ: Số 10A Trần Kiên, Tổ dân phố 1 Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: 0789413678

Mã số thuế: 4300659591

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Xuân Nương

Chức vụ: Hiệu trưởng.

BÊN B: NGƯỜI LAO ĐỘNG

Và một bên là Bà: Nguyễn Thị Thuận Quốc tịch: Việt Nam

Sinh năm: 05/05/1988

Quê quán: Phố Hòa - Đức Phổ - Quảng Ngãi

Bằng tốt nghiệp: Cao đẳng; Ngành điều dưỡng

Số căn cước: 051188003797 cấp ngày 04/11/2024. Nơi cấp Bộ công an

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết thực hiện những nội dung sau đây:

Điều 1. Công việc, vị trí việc làm và thời hạn hợp đồng

1. Thời hạn hợp đồng

Bên A và bên B thỏa thuận ký kết hợp đồng xác định thời hạn, cụ thể như sau:

Thời hạn của hợp đồng lao động: 09 tháng, kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2025 đến ngày 31 tháng 05 năm 2026

2. Công việc và vị trí việc làm

- a) Địa điểm làm việc: Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm
- b) Tổ, Bộ phận/Đơn vị quản lý: Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm
- c) Vị trí việc làm: Y tế
- d) Nhiệm vụ: Nhân viên y tế kiêm thủ quỹ.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

Ngoài thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về lao động và quy định của pháp luật khác có liên quan, bên B còn thực hiện các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Quyền của Bên B

- a) Tiền lương, thưởng và các khoản phụ cấp, bổ sung khác

- Tiền lương: 4.914.000 đồng/tháng (*Bằng chữ: Bốn triệu chín trăm mười bốn ngàn đồng./.*)

- Các khoản phụ cấp, bổ sung khác (nếu có): Không
- Hình thức trả lương (tiền mặt/chuyển khoản): Chuyển khoản
- Kỳ hạn trả lương: ngày 10 đến 20 hàng tháng
- Chế độ nâng bậc, nâng lương: Không.
- Thưởng (ghi rõ điều kiện và các trường hợp được thưởng, mức thưởng nếu có): Không

- Tiền tàu xe về nơi cư trú của bên B (ghi rõ các trường hợp được hỗ trợ tiền tàu xe về nơi cư trú, mức hỗ trợ) (nếu có): Không

- Hỗ trợ nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có): Không

b) Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc: Theo giờ hành chính.

- Thời giờ bên B được nghỉ liên tục trong ngày: Theo quy định của Pháp

luật.

- Ngày nghỉ hằng tuần: Theo quy định của Pháp luật.

- Ngày nghỉ hằng năm: Theo quy định của Pháp luật.

- Ngày nghỉ lễ, Tết: Theo quy định của Pháp luật.

c) Điều kiện lao động: Theo quy định của nhà nước, của đơn vị (nếu có)

- Bên B được cung cấp (miễn phí) trang thiết bị bảo hộ lao động phù hợp với công việc và được bên A bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động trong thời gian làm việc theo hợp đồng. Bên B có trách nhiệm sử dụng, bảo quản các trang thiết bị bảo hộ lao động và tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

- Bên B có trách nhiệm tham gia và được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

Liệt kê các loại bảo hiểm khác (nếu có): Không

Mức đóng của các bên cụ thể như sau:

+ Bên A đóng cho Bên B: 8% BHXH, 1,5% BHYT, 1% BHTN

+ Bên A đóng: 17,5% BHXH, 3% BHYT, 1% BHTN

d) Quyền khác theo thỏa thuận: Không

2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Thực hiện các nhiệm vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động.

b) Cung cấp văn bản, giấy tờ xác minh đủ tiêu chuẩn, điều kiện thực hiện công việc thỏa thuận theo yêu cầu của bên A.

c) Chấp hành quy định, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị sử dụng lao động, kỷ luật làm việc và các quy định pháp luật.

d) Chấp hành việc xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy định của pháp luật.

đ) Tuân thủ các quy định về bảo mật theo yêu cầu của bên A.

e) Chấp hành sự quản lý, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động.

g) Thuế thu nhập cá nhân (nếu có) do bên B đóng, đơn vị sẽ tạm khấu trừ trước khi chi trả cho bên B theo quy định.

h) Khi chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn thì phải báo cáo bằng văn bản cho Hiệu trưởng nhà trường trước ít nhất 30 ngày.

i) Nghĩa vụ khác theo thỏa thuận : Không

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của bên A

1. Quyền của bên A

a) Yêu cầu bên B thực hiện công việc và tuân thủ các nghĩa vụ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng này.

b) Trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

c) Quyền khác theo thỏa thuận : Không

2. Nghĩa vụ của bên A

a) Chi trả lương, thực hiện chế độ, chính sách khác cho người lao động theo thỏa thuận bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật lao động và quy định của pháp luật khác có liên quan.

b) Cung cấp thông tin, tài liệu và các phương tiện, điều kiện làm việc cần thiết để bên B thực hiện công việc.

c) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo thỏa thuận tại hợp đồng và quy định của pháp luật về lao động.

d) Nghĩa vụ khác theo thỏa thuận: Không

Điều 4. Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động

1. Việc tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng giữa các bên được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

2. Bên B bị coi là vi phạm hợp đồng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ và chậm thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào quy định trong hợp đồng này.

b) Bên B vi phạm kỷ luật lao động.

c) Đơn phương chấm dứt hợp đồng trái quy định.

3. Trường hợp bên A vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thì bên B có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

4. Trong thời gian thử việc, nếu bên B không đáp ứng được yêu cầu thì bên A có quyền chấm dứt hợp đồng lao động với bên B trước thời hạn.

Điều 5. Phương thức giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phát sinh cần giải quyết thì hai bên thỏa thuận và thống nhất giải quyết kịp thời, bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật. Trường hợp không thỏa thuận được thì một trong các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản thi hành

a) Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 09 năm 2025

b) Trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, nếu bên nào có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng thì phải báo cho bên kia biết trước ít nhất 03 ngày làm việc về nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Trường hợp hai bên thỏa thuận được thì việc sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng lao động được tiến hành bằng việc ký kết phụ lục hợp đồng lao động hoặc ký kết hợp đồng lao động mới.

Trường hợp hai bên không thỏa thuận được việc sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng lao động thì tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động đã ký kết.

c) Những vấn đề về lao động khác không ghi trong hợp đồng này được thực hiện theo quy định tại Bộ luật Lao động và các văn bản quy phạm pháp khác có liên quan.

d) Hợp đồng được làm thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu trong hồ sơ của bên B./.

BÊN B

Người lao động



Nguyễn Thị Thuận

BÊN A

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Xuân Nương



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên: NGÔ KỶ VƯƠNG

Ngày, tháng, năm sinh: 05/11/2021

Ghi bằng chữ: Ngày năm, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi một

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi sinh: Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Quê quán: Tổ Dân Phố 5, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số định danh cá nhân: 051221004546

Họ, chữ đệm, tên người mẹ: HỒ THỊ HỒNG HƯƠNG

Năm sinh: 20/12/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ, chữ đệm, tên người cha: NGÔ ANH KHÔI

Năm sinh: 08/5/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh: NGÔ ANH KHÔI

Giấy tờ tùy thân: Giấy CMND số 212852464, Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 21/9/2018

Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Ngày, tháng, năm đăng ký: 06/12/2021

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Đã ký)

PCT: Nguyễn Bảo Toàn

TỈNH QUẢNG NGÃI

THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

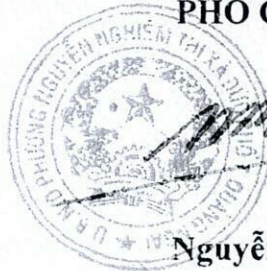
UBND PHƯỜNG NGUYỄN NGHIÊM

Số: 313/GKS-BS

Sao từ Sổ đăng ký khai sinh

Phường Nguyễn Nghiêm, ngày 06 tháng 12 năm 2021

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Bảo Toàn



Số: 171/GCN-HN.HCN P. Nguyễn Nghiêm, ngày 04 tháng 01 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;
Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban phường Nguyễn Nghiêm chứng nhận:

Hộ gia đình ông/bà: **HOÀNG THỊ THANH XUÂN** Dân tộc: Kinh
Số CCCD/CMND: **051154000563** Cấp ngày:

Nơi thường trú: Tổ dân phố 5 phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

I. Danh sách thành viên trong hộ gia đình

STT	Họ và tên	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Năm sinh		Ghi chú (trường hợp gia đình có sự thay đổi các thành viên trong hộ)
				Nam	Nữ	
1	Hoàng Thị Thanh Xuân	Kinh	Chủ hộ		10/7/1954	
2	Hồ Thị Hồng Hương	Kinh	Con		20/12/1987	
3	Ngô Chí Khang	Kinh	Cháu	16/4/2011		
4	Ngô Triệu Vĩ	Kinh	Cháu	29/5/2016		
5	Ngô Kỳ Vương	Kinh	Cháu	05/11/2021		

II. Kết quả phân loại hộ gia đình giai đoạn 2022 - 2025

NĂM 2022		ngày 04 tháng 01 năm 2022 Xác nhận của Chủ tịch phường (Ký tên, đóng dấu)											
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐ CN	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐ 11	☐ 12	
NĂM 2023													
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐ CN	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐ 11	☐ 12	
NĂM 2024													
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐ CN	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐ 11	☐ 12	
NĂM 2025													
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☒ CN	☒ 1	☒ 2	☒ 3	☒ 4	☒ 5	☒ 6	☒ 7	☒ 8	☒ 9	☒ 10	☒ 11	☒ 12	
NĂM 20....													
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐ CN	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐ 11	☐ 12	



GIẤY KHAI SINH

Họ, chữ đệm, tên: **TÔ HUỖNH KHANG**

Ngày, tháng, năm sinh: 09/02/2021

Ghi bằng chữ: Ngày chín, tháng hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi một

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi sinh: Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Quê quán: phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số định danh cá nhân: 051221001369

Họ, chữ đệm, tên người mẹ: **HUỖNH THỊ DIỆP**

Năm sinh: 13/11/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ, chữ đệm, tên người cha: **TÔ TRỌNG TÍN**

Năm sinh: 22/7/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh: **HUỖNH THỊ DIỆP**

Giấy tờ tùy thân: Giấy CMND số 212840500, Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 14/01/2014

Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Ngày, tháng, năm đăng ký: 05/4/2021

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, và đóng dấu)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Bảo Toàn

Số: 03/GCN-HN.HCN

P. Nguyễn Nghiêm, ngày 04 tháng 01 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẠN NGHÈO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;
Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban phường Nguyễn Nghiêm chứng nhận:

Hộ gia đình ông/bà: **HUỲNH THỊ ĐIỆP** Dân tộc: Kinh

Số CCCD/CMND: **051199005316**. Ngày cấp:
Nơi thường trú: Tổ dân phố 2 phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

I. Danh sách thành viên trong hộ gia đình

STT	Họ và tên	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Năm sinh		Ghi chú (trường hợp gia đình có sự thay đổi các thành viên trong hộ)
				Nam	Nữ	
1	Huỳnh Thị Điệp	Kinh	Chủ hộ		13/11/1999	
2	Tô Huỳnh Anh Thư	Kinh	Con		20/12/2018	
3	Tô Huỳnh Khang	Kinh	Con		09/02/2021	

II. Kết quả phân loại hộ gia đình giai đoạn 2022 - 2025

NĂM 2022		Xác nhận của Chủ tịch phường (Ký tên, đóng dấu) ngày 04 tháng 01 năm 2022											
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐ CN	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐ 11	☐ 12	
NĂM 2023													
☐ N	Xác nhận của Chủ tịch phường (Ký tên, đóng dấu) ngày 04 tháng 01 năm 2023												
☒ CN	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☒ CN	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☒ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐ 11	☐ 12	
NĂM 2024													
☐ N	Xác nhận của Chủ tịch phường (Ký tên, đóng dấu) ngày 04 tháng 01 năm 2024												
☒ CN	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☒ CN	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☒ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐ 11	☐ 12	
NĂM 2025													
☐ N	Xác nhận của Chủ tịch phường (Ký tên, đóng dấu) ngày 04 tháng 01 năm 2025												
☐ CN	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐ CN	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐ 11	☐ 12	
NĂM 20.....													
☐ N	Xác nhận của Chủ tịch phường (Ký tên, đóng dấu) ngày tháng năm												
☐ CN	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐ CN	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐ 11	☐ 12	



GIẤY KHAI SINH

Họ, chữ đệm, tên: ĐOÀN NGUYỄN THIÊN AN

Ngày, tháng, năm sinh: 15/02/2021

Ghi bằng chữ: Ngày mười lăm, tháng hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi một

Giới tính: Nữ

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi sinh: Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Quê quán: phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số định danh cá nhân: 051321001065

Họ, chữ đệm, tên người mẹ: NGUYỄN VIỆT HÒA

Năm sinh: 29/5/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ, chữ đệm, tên người cha: ĐOÀN DUY BÌNH

Năm sinh: 17/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh: ĐOÀN DUY BÌNH

Giấy tờ tùy thân: Giấy CMND số 212258331, Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29/11/2018

Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Ngày, tháng, năm đăng ký: 22/3/2021

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, và đóng dấu)

KT. CHỦ TỊCH

PHÙ CHỦ TỊCH



Đoàn Duy Bình

Số: 23 /GCN-HN.HCN

P. Nguyễn Nghiêm., ngày 04 tháng 01 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;
Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban phường Nguyễn Nghiêm chứng nhận:

Hộ gia đình ông/bà: **ĐOÀN DUY BÌNH** Dân tộc: Kinh
Số CCCD/CMND: 051091006630 Ngày cấp: 04/12/2021.
Nơi thường trú: Tổ dân phố 2 phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

I. Danh sách thành viên trong hộ gia đình

STT	Họ và tên	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Năm sinh		Ghi chú (trường hợp gia đình có sự thay đổi các thành viên trong hộ)
				Nam	Nữ	
1	Đoàn Duy Bình	Kinh	Chủ hộ	17/10/1991		
2	Nguyễn Việt Hòa	Kinh	Vợ		29/5/1991	
3	Đoàn Duy Tân	Kinh	Con	31/3/2015		
4	Đoàn Duy Nhật	Kinh	Con	05/10/2016		
5	Đoàn Nguyễn Thiên An	Kinh	Con		15/02/2021	

II. Kết quả phân loại hộ gia đình giai đoạn 2022 - 2025

NĂM 2022		ngày 04 tháng 01 năm 2022 Xác nhận của Chủ tịch phường (Ký tên, đóng dấu)											
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐ CN	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐ 11	☐ 12	
NĂM 2023													
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐ CN	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐ 11	☐ 12	
NĂM 2024													
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐ CN	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐ 11	☐ 12	
NĂM 2025													
☒ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐ CN	☒ 1	☐ 2	☐ 3	☒ 4	☐ 5	☐ 6	☒ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐ 11	☐ 12	
NĂM 20.....													
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐ CN	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐ 11	☐ 12	
ngày tháng năm Xác nhận của Chủ tịch phường (Ký tên, đóng dấu)													

(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên: VÕ NGUYỄN CÁT TƯỜNG

Ngày, tháng, năm sinh: 21/02/2021 ghi bằng chữ: Ngày hai mươi mốt, tháng hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt

Giới tính: Nữ Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Nơi sinh: Bệnh viện đa khoa Khu vực Đặng Thùy Trâm, tỉnh Quảng Ngãi

Quê quán: Xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số định danh cá nhân: 051321001713

Họ, chữ đệm, tên người mẹ: NGUYỄN THỊ HOANH MUỘI

Năm sinh: 22/12/1990 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Thôn An Tây Điền, xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ, chữ đệm, tên người cha: VÕ VĂN TRỌNG

Năm sinh: 12/11/1987 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Thôn An Tây Điền, xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh: VÕ VĂN TRỌNG

Giấy tờ tùy thân: Giấy CMND số 212241331, Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 22/9/2020

Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân Xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Ngày, tháng, năm đăng ký: 20/4/2021

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn

TỈNH QUẢNG NGÃI
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
UBND XÃ PHỔ NHƠN
Số: 143/2021/GKS-BS

Sao từ Sổ đăng ký khai sinh
Phổ Nhơn, ngày 01 tháng 6 năm 2021

NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Phó chủ tịch UBND xã

Nguyễn Trọng Sơn



Mẫu số 03. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN NGHIÊM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
KÃ NGUYỄN NGHIÊM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 09 /GCN-HN.HCN

Xã Nguyễn Nghiêm, ngày 05 tháng 01 năm 2026

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẦN NGHÈO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn, UBND Xã Nguyễn Nghiêm chứng nhận:

Hộ gia đình ông/bà: **NGUYỄN THỊ HỒNG** Dân tộc: Kinh

Số CCCD/CMND: 051141003264, Ngày cấp:

Nơi thường trú: Thôn An Tây Điền, Xã Nguyễn Nghiêm, tỉnh Quảng Ngãi.

I. Danh sách thành viên trong hộ gia đình

STT	Họ và tên	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Năm sinh		Ghi chú (trường hợp gia đình có sự thay đổi các thành viên trong hộ)
				Nam	Nữ	
1	Nguyễn Thị Hồng	Kinh	Chú hộ		1941	
2	Nguyễn Thị Hoành Muội	Kinh	Dâu		1990	
3	Võ Nguyễn Hoài Thương	Kinh	Cháu		2012	
4	Võ Mạnh Cường	Kinh	Cháu	2017		
5	Võ Cường Thịnh	Kinh	Cháu	2019		
6	Võ Nguyễn Cát Tường	Kinh	Cháu		2021	

II. Kết quả phân loại hộ gia đình giai đoạn 2022 – 2025

NĂM 2026		Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của gia đình N, CN										Ngày tháng năm 202 Xác nhận của UBND Xã Nguyễn Nghiêm		
☐	N	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐			
☒	CN	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐			
NĂM 20														
☐	N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐	CN	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐		
NĂM 20														
☐	N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐	CN	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐		
NĂM 20														
☐	N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐	CN	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐		
NĂM 20														
☐	N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐	CN	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐		